NĂM THỨ NĂM Số 182 — Thứ năm 12 tháng tư 1945

TRI TÂN

TOÀ BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Hoàng-Diệu (1828-1882)	Khuê-Trai
* Hội-họa Việt-nam hiện-đại	Nguyễn-văn-Ty
* Tài liệu để đính chính văn cổ (LXXXV)	Nguyễn-văn-Tố
* Tùy-hứng	Nhật-Nham
* Dương-bá-Trạc đã qua đời!	Thất-Lang
* Việt-nam văn-học-sử (VI)	Ưng-Hòe
* Tháp-bình-sơn với Ngụy đồ-Chiêm (II)	Biệt-Lam Trần-huy-Bá
* Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà...	Hoa-Bằng
* Đại Nam dật sự (LVII)	Nguyễn-văn-Tố
* Anstu (tiểu-thuyết, XXVII)	Nguyễn-huy-Tưởng

0$70

Một nhà liệt-sĩ chết theo thành Hà-nội

Hoàng Diệu

(1828-1882)

Bài này của ông Khuê-trai, người làng Đức-mỹ, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng nam, trúng giải nhì cuộc thi « Lịch-sử ký sự » do Tri-Tân tổ-chức hồi năm 1941, đến nay mới có dịp đăng được. Sau khi ra trọn bài này, Tri Tân sẽ lần lượt đăng tiếp bài « Sự thực về việc phá thành Hà-nội năm nhâm-ngọ » của Tiếp-Đàm và bài « Những thơ văn quanh việc Hoàng Diệu tử trung » của Hoa-Bằng để mong góp chút tài-liệu về trang sử cận đại. Xin độc giả nhớ đón coi. — T. T.

« Nhớ quan Tổng-đốc họ Hoàng,
Thăng bà nhâm-ngọ tiếng vang trung-thần »
(Đại-Việt địa-dư. — Lương-văn-Can)

Họ Hoàng Xuân-đài. — Ở Quảng-nam bây giờ, mỗi khi bàn đến văn-vật trong xứ, người ta không quên nhắc tới hai ngôi sao chói lọi của thời xưa: họ Nguyễn Túy-la và họ Hoàng Xuân-đài.

Hai họ nầy, nghèo khó, đang ẩn-núp trong đám bình dân, mà sở dĩ bỗng-nhiên được người người trầm-trồ khen phục là vì họ Nguyễn đã đẻ ra năm cái tên trên tấm bia Văn-thánh: một cử-nhơn, bốn tú-tài và họ Hoàng sáu tên: một phó-bảng, ba cử nhơn, hai tú-tài (1)! Đại-biểu của họ Nguyễn là cụ Nguyễn-thành-Ý (ở Quảng thường gọi là cụ Thượng Túy-la); còn đại-biểu của họ Hoàng là cụ Hoàng Diệu (tục gọi là cụ Thượng Xuân-đài).

Cụ Hoàng Diệu, tự là Quang-viễn, hiệu là Tĩnh-trai, người làng Xuân đài, phủ Điện-bàn (thời trước là Điện-phước huyện), tỉnh Quảng-nam, sinh ngày mồng mười tháng hai năm kỷ sửu (1828, Minh-mạng 10). Thân-phụ làm việc làng, chết sớm (tục thường gọi là Hượng Huê). Cụ có bảy anh em trai cả thảy: một người thông-minh xuất chúng mất hồi 15 tuổi, còn 6 người đều đỗ-đạt.

Người anh cả là Hoàng-kim-Giám cùng cụ đỗ cử-nhân khoa mậu-thân (1848 Tự-đức thứ nhứt) năm cụ 20 tuổi; nhưng vì bài vở của hai anh em có chỗ giống nhau nên phải thi lại. Sau hai người đều đậu. Vua Tự-đức có phê rằng: « *Văn hành công khí, qui đắc chân tài, huynh đệ đồng khoa thành vi mỹ sự* », nghĩa là: « Cái câu văn chương là của công, qui được thiệt tài, anh em đậu cùng khoa là một việc tốt » (2) Đến năm 25 tuổi, cụ Hoàng Diệu đi thi Hội — khoa quí-sửu (Tự-đức 6: 1853) — vô đến Đình, nhưng sau phúc-hạch, bị trượt xuống phó-bảng (2). Cụ Hoàng-kim-Giám cùng đang chưa toại thì đã lìa trần. Em kế của cụ Hoàng Diệu là Hoàng-văn-Bằng đỗ cử-nhân, làm quan đến án sát. Người em thứ là Hoàng Chấn cũng đỗ cử-nhân, làm quan đến đốc-học. Hai người nữa là Hoàng Đạt và Hoàng Đĩnh: một người đỗ tú-tài hai lần, một người ba lần.

Bước hoạn đồ (3). — Lúc đầu, cụ Hoàng Diệu ra làm tri-phủ phủ Tuy-phước rồi phủ Tuy-viễn thuộc tỉnh Bình-định (4). Nhơn có việc, bị giáng (5) xuống tri-huyện Hương-trà (Thừa-thiên). Rồi được thăng tri-phủ Lượng-giang, Đa-phước thuộc Bắc-ninh. Ở đây, cụ được tiếng tốt, nên được thăng án-sát Nam-định. Được ít lâu dân Bắc-ninh xin vua đổi cụ sang án sát tỉnh ấy; kế đó cụ được thăng Bố-chánh Bắc-ninh. Ở án-án-sát và bố-chánh Bắc-ninh tất cả 9 năm, cụ nốc lòng trị dân, dẹp loạn nên vua Tự-đức có khen rằng: « *Bắc-ninh chi dân phú,*

Hoàng Diệu bất năng » nghĩa là: « Dân Bắc-ninh, không Hoàng Diệu chẳng đặng. » Năm Tự-đức 30 (5) — 1877 — cụ được thăng tham-tri bộ Hình; sau cải qua tham-tri bộ Lại, vừa coi viện Đô-sát và được dự vào hội-đồng Cơ mật.

Đến năm tự-đức 31 (5) — 1878 — ở Quảng-nam bị nạn đói, vua sai cụ làm khâm-sai về xử chẩn-tế. Xong việc, cụ được ở tiền-phủ Quảng-nam. Năm 1879 (6) cụ được thăng tổng-đốc An-tĩnh (Nghệ-an — Hà-tĩnh); không được một tháng, cụ phải về Kinh sung chức phó toàn-quyền đại-thần để thương nước với sứ thần I-pha-nho và được sứ-thần nước ấy tặng huy-chương hạng nhì. Năm Tự-đức 33 (7) — 1880 — tình thế ngoại Bắc đang cơn bối rối, cụ ôm cái trách-nhiệm nặng-nề, ra làm tổng đốc Hà-Ninh (Hà-nội — Ninh-bình) với chức Binh-bộ thượng-thư, kiêm coi việc thương-chánh. Khi cụ ra Hà-nội, vua Tự-đức có ban cho mẹ cụ sâm cao-ly, quế thanh, bạc lượng, hàng lụa, v. v. Cụ có dâng sớ tạ ơn, đại ý nói rằng: « Vì bận việc nước nên thần chưa dám lo việc nhà (*quốc sự thượng hữu vi hoàn, gia tình hề cố*), mà nay Bệ-hạ ban đồ cho mẹ thần thì thần xin hết lòng làm việc lợi cho nước để báo ơn (*hữu lợi vi quốc tắc vi chi, thứ thiểu đáp thiên gia chi huống*). » Vua Tự-đức phê rằng: « *Vệ hồn nhi lưu, dẫn lực hành công chi, khả dã* » nghĩa là: « Nếu không hoà yêu mà trôi chảy, chỉ tranh làm chơi xông với lời nói thì khá vậy » (8).

Cả đời làm quan, cụ chỉ biết lấy chữ « Tiết » (10) Cụ đối-đãi làm tròn cũng giữ công minh và thanh-liêm. Tánh cang-trực lại quả quyết, ai cũng khen cụ có cái phong thể của một vị đại-thần (8). Làm quan đến thế, mà nhà cụ chẳng có vẻ gì là quan, là sang cả. Thường cụ hay dạy con ngày sau phải lo mà tự lập, chớ nên ỷ-lại vào cha; và có lần, hai ông tú em xin cụ hạch « Tứ thập » để được hồ dụng, cụ cụ không cho mà bảo rằng: « Ra cướp thiên hạ sao? » (9). Xem vậy, đủ biết cụ là người thế nào.

Việc chẩn-tế Quảng-nam

(10) Năm Tự-đức 31 (1878) Quảng-nam bị một cái thiên-tai rất nặng: trận lụt năm mậu-dần.

Trận lụt tai-hại nầy dân Quảng đã cho tên là « lụt bất quá », lấy nghĩa rằng khi nước mới vô nhà, ai cũng bảo: « Bất quá nước ngập rằm là cùng! » Rồi nước ngập rằm; người ta lại bảo: « Bất quá nước ngập bàn là cùng! » Nước lại ngập bàn là. Người ta lại bảo: « Bất quá nước ngập nhà ta cùng! » Rồi nước lại ngập cả nhà cửa. Ai cũng không ngờ rằng lụt to đến thế.

Sau cơn lụt mùa màng mất sạch. Ngày nào ra đồng cũng thấy cảnh thương tâm: những thân-hình da bọc lấy xương đã chết hoặc đang chết vì đói! vì đói quá họ ra đồng để kiếm cây rau củ có đỡ đa rồi họ bỏ mạng ở đây! Nghèo đói thì sinh ra trộm cướp, lẽ tất nhiên.

Năm ấy, đang ở tham-tri bộ Lại, cụ Hoàng Diệu được về xứ chẩn-tế với cây cờ « Tiện nghi hành sự » và quyền « tiền trảm hậu tấu » (11). Cụ đối-đãi làm tròn phận-sự, nên dân-gian còn nhớ ơn cụ. Có hai việc nầy còn truyền tụng:

1) *Giết một tên cường đạo.* — Thuở ấy, ở làng Giáo-ái (thuộc phủ Điện-bàn), có một người võ dõng tên là Hương Phi thường hay nhân dịp loạn, cướp đồ, lấy của của dân trong vùng mà không ai dám nói. Biết được, cụ Hoàng Diệu liền bắt chém tên ấy tại làng Giáo-ái để răn bọn hung-đồ. Từ đây, dân-gian ai cũng yên-ổn làm ăn vì chẳng còn cướp bóc nữa.

(Xem tiếp trang 14)

---

1) Khi trước, ở Quảng-Nam bà có lệ xưng như ở các tỉnh khác, mỗi phủ huyện đều có lập một cái miếu Văn-thánh, trong miếu có bia đề khắc tên những người khoa-mục.

2) Theo Gia phả họ Hoàng.

3) Đoạn nầy phần nhiều làm theo gia-phả vì thấy gia-phả nói rõ.

4) Theo Gia-phả. — Trong Đại Nam chính biên liệt truyện tập 2, quyển 38, chỗ « chư thần liệt truyện nhị thận bát Hoàng Diệu, đề: Văn-Bằng, Chấn phụ » thì là: phủ Bồng-sơn, Tuy-phước, huyện Giả Định (Bình-định).

5) Theo Đ. N. C. B. L. T.

(6) Trong Gia-phả và trong Đ. N. C. B. L. T. không nói năm nào, song theo tôi xét là năm 1879, vì năm ấy có sứ thần Tây-ban-nha đến Huế Xem các « Sứ bộ Tây-ban-nha sang Việt nam » (Tri-tân số 10).

(7) Theo Đ. N. C. B. L. T.

(8) Theo Đ. N. C. B. L. T.

(9) Theo lời người cháu đích-tôn của cụ là ông Hoàng Kiểm kể lại.

(10) Tài liệu trong đoạn nầy toàn là tài liệu sống do các bậc cố-lão kể lại, nhất là một lão tôi năm nay hơn 80 tuổi.

(11) Theo Gia-phả và Đ. N. C. B. L. T.

Thư gửi cho bạn phương xa về

HỘI-HỌA VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

Họa-sĩ NGUYỄN-VĂN-TỴ

Anh...

Anh hãy tạm nhận ở đây cùng tôi những ý-tưởng hằng ngày thường đến lẩn ẩn và tâm trí cùng việc làm, những ý tưởng tuy lời lẽ, không cỗi lễ cũng nên, nhưng chính là dấu mốc một đặm đường gai góc cần vượt qua để tới một quãng trời sáng hơn trong Nghệ-thuật chúng ta.

Sức bằng hái cạnh tranh của thiên hạ đang tàn tác trong rừng gươm đạn may thay ở đây, nguồn sống chỉ còn mảnh liệt trên nét bút sáng tác nên những thế-giới huy-hoàng bày u-ẩn. Nguồn sống chung đúc đó bất ngờ xây nên một cơ sở vững chãi cho mỹ-thuật Việt-nam, chỉ đợi dịp để hưng khởi hơn người.

Ít lâu nay nỗi lo âu liên tiếp bắt trị óc tôi suy nghĩ nhiều về hội-họa. Chính bọn mình dường như đã thoát hình hài để trút bỏ hết nỗi lòng rằng động, nỗi bực tức u-uất trên sợi tơ hay mảnh giấy. Cả tâm hồn lung lạc lay động trên màu sắc. Kết quả ta ta mới chỉ tạo nên những ảo tưởng quái dị; ta vẫn chưa thoát khỏi cái ta muốn nằm là-là trên mặt đất. Ta đã biến thể trên tấm gỗ hay mảnh vải vô giác như tàn phá cả đến những vật vô tri như vẫn phải hủy hoại tan nát mọi cái gì để thỏa mãn lòng mê-ly màu sắc, nhịp điệu để xả ứ hồi bực tức điên dại của một tâm hồn không đủ nơi chứa đựng.

Tôi nhận thấy bọn ta: có nhiều tư tưởng tiên phong về hội họa quá để cái tay vụng dại của mình không theo kịp cái đà tri-thức được. Còn đường nghẽn đã làm nghệ-thuật rơi vỡ trùng xuống như một cây đàn khi ẩm giời. Anh ạ, phong trào các môn phái không biết có hợp với ta nữa không? Tôi tưởng không ai đoán được và lập hệ-thống trong hội-họa trước khi các tác phẩm ra đời. Một nỗi bâng-khuâng nhủ tôi có nên tránh khỏi ảnh hưởng các trường ấy không?.

Tương lai đẹp đẽ sẽ đến với ta sau nếu một lòng ta nguyện ước cái Đẹp và chân thành, ta tìm tòi ở chính ta để đến chiêm ngưỡng vị thần Mỹ-lệ ấy. Ta hãy dốc lòng theo đuổi cái Đẹp như người xưa thờ phụng một vị độc thần.

Nhưng tiếc thay, khi lạc lõng vào những đường mới của hội họa ta càng thấy ra người xung quanh quá, có phải không anh? Tư-tưởng thẩm-mỹ tiến quá mau trong bọn thu-đồ trong khi nền phổ thông các khoa thường thức vẫn còn nhàng bỏ trong các tầng tri-thức: cái khoa học tri-thức lắm khi thừa thãi để quên lãng cả tâm hồn và tình-cảm, nai mỗi dây liên lạc dàng để tìm hiểu đến tác-phẩm hội họa. Một phương pháp phổ-thông rộng rãi cần đến để phân giải những âm luật, hình thể của hội họa cũng như về âm nhạc hay văn-chương. Tác phẩm của nghệ-sĩ tạo ra có phải chỉ để cho những thế-hệ sau mới hiểu được dâu

Anh hãy đọc cùng tôi những lời của một bạn than phiền cho những nghệ-sĩ đã qua: Tôi đang nghĩ đến số phận của nhiều họa-phẩm tạo vào những thế kỷ trước chúng ta: lúc người sinh ra chẳng còn sống đấy thì chẳng ai nhìn đến; đợi đến lúc người cha tinh thần của chúng ngã xuống rồi thì người đời mới nhao nhao lên mà dành lấy để bày vào các thị-sảnh hay bảo tàng. Có những nghề tự-do phải vĩnh-viễn gạo lấy cái dấu hiệu của vụng dại trong sự chung đúng hằng ngày. Đấy là một đặc điểm nên giữ lấy để làm vui cho xung-quanh hay là nên bỏ đi để định lấy một cuộc đời mới thước cho mình?...»

Đấy, anh xem có những họa phẩm quý nhưng chưa được cống nghệ-sĩ đã đi nhanh quá, phải chờ tới hàng thế kỷ sau mới có người nhận thành hưởng ứng. Đó chẳng phải là một phần thường vai trò cho chúng ta hay sao? Ta hãy chia sẻ với nhau cái vui lý đi có hơn là lúc nào cũng đau khổ suy

nghĩ về nghề. Người ta trách bọn ta vụng tính, lầm đường để tạo thành một nhóm người vô ích lạc lõng. Nhưng nếu ta biết tính toán cho khéo, biết sống như một nhà hiền-triết hay luận-lý thì ta đã chẳng dùng đến cán bút để vẽ tranh nữa rồi.

Tôi sẽ lần lượt kể để anh biết những câu chuyện tôi vừa được nghe về tính cách Việt-Nam trong hội-họa và bọn mình có cần phải có một quan niệm riêng về hội-họa hay không.

Đây tôi kể làm thí dụ một buổi nói chuyện để anh nghe. Hôm ấy nhân một câu chuyện về thẩm mỹ, một ông bạn họa sĩ khởi đầu:

— Tôi không chịu nghệ-thuật mình phải có tính cách Việt nam như nhiều người thường tuyên bố trái lại, nghệ thuật phải có tính cách đại-đồng, không phân-biệt xứ-sở, nghệ-thuật là để hiểu chung cho cả mọi người.

Và tôi đã trả lời:

— Tôi hiểu như vậy lắm; khi đã gọi là nghệ thuật, sao còn phân tính-cách từng xứ một. Nhưng khi người nào đã thoát khỏi cái cương giới, địa-hạt của mình, để đạt tới một ý niệm cao quý gì cũng phải có một cái cội gốc nó đã ràng buộc hoặc chi phối những ý nghĩ đầu tiên của mình. Anh có tin rằng cái Tốt, cái Đẹp bây giờ không phải là kết quả của bao nhiêu cái Tốt, cái Đẹp ngàng đọng từ bao nhiêu đời trước không? Dù mình không nghĩ tới, dù lúc nào mình cũng chỉ ở hết Bản năng tồn tăng tác, mình vẫn mang theo chút di tích của giòng máu mình nó ghi lại trên các công việc hằng ngày. Cái cá tính của mình vẫn không sao xóa nhòa được trên tấm tranh — cái cá tính nó đã bắt nguồn ở đất nước xứ sở hàng bao thế kỷ rồi. Anh bảo đại-đồng ở một quan niệm hay tư tưởng nào thì được, chứ như cả. Đẹp ở nghệ thuật đâu phải nguyên một mối: cái Đẹp nó uyên nguyên phức tạp và cái giá trị lại ở chỗ khác nhau đó mà thôi. Anh xem Vélasquez hay Goya có vẽ như Rubens hay Rembrand đâu, các họa sĩ Mane Renoir có giống như Titien hay Botticelli đâu. Và lại nghệ sĩ nơi đây hay quyến luyến những vẻ đẹp ở các phương trời khác, âu-yếm những tình cảm ở đất nước lạ lùng. Nếu đi đến đâu, nhà nghệ-sĩ cũng gặp một vẻ đẹp duy nhất nghiêm trang ngự trên bàn thờ Nghệ-thuật thì câu còn cái kỳ thú của sáng tác nữa. Thí dụ như anh đã biết, Fujita thực đã thoát hẳn ra ngoài quốc giới, mà tại sao cái cá tính nhật-bản vẫn không bao giờ mất.

Bạn tôi lại tiếp.

— Một mai đây thế giới thay đổi về đủ mọi phương diện, khi người ta có thể đi khắp liên cầu nội trong tuần lễ, nghệ thuật sẽ bị ảnh hưởng của đời thực-tế cái cá tính địa phương sẽ mất đi, nghĩa là nghệ-thuật của mình cần gì phải có tính cách Việt-Nam.

— Người ta chỉ có thể duy-nhất các vấn đề kinh-tế, hay chính-trị mà thôi, chứ nghệ thuật là phản-ảnh của tinh tình, của hoàn cảnh đất nước thì duy nhất thế nào được? Ngay đến dân thế địa-dư của các nước trên hoàn cầu có cho ta cụ đồng hòa lấy đâu. Nếu như anh định cho nghệ-thuật một qui-định riêng để theo đuổi một mục đích có ích, chung cho cả mọi người thì cái khuôn sáo kia sẽ dìm chết Nghệ thuật xuống vực khô khan mà thôi. Cái gì không hợp với mình không thể đến để sai khiến hay bắt buộc mình trong công cuộc sáng tác cái Đẹp được. Mỹ thuật nhân loại chỉ giá trị ở tính cách không đồng tính của các dân tộc và vì thế tính cách Việt Nam trong hội họa của ta vẫn cần dù ta không lưu tớ mặc lòng

— Thế hội-họa âu châu chả đem lại cho ta phương pháp khoa-học trong kỹ thuật là gì?

— Tôi nhận là có, nhưng chỉ là những luống cày tốt của họ đem lại để khơi lên những mạch trong sẵn có ở khối đất phì nhiêu của mình mà thôi. Anh thử đem cái kỹ-thuật ấy gieo cấy ở một địa-hạt khác, tôi chắc kết quả cũng sẽ khác nhiều. Vì thế nên bao giờ tôi cũng tin ở tính cách một dân tộc giúp ích cho nghệ-thuật hội-họa rất nhiều.

Anh ở xa không biết vấn câu chuyện hiện đang làm sôi nổi làng hội-họa chúng mình. Người ta có ý định áp dụng phương pháp khoa-học vào hội-họa đấy, Ít lâu nay nhiều họa-sĩ đã vẽ theo một nguyên tắc mới. Họ vẽ như người ta tin theo

(Xem tiếp trang 20

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 81

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

cxxxv — Kim Vân Kiều

(bài nối)

Chợt thấy một thư-sinh cưỡi ngựa ở đằng xa đi tới, Vương-Quan nhìn ra là người bạn học, họ Kim tên Trọng, bụng bảo dạ rằng: « Không biết hắn có ý-tứ gì mà lần mò tới đây », vội vàng ngảnh lại bảo Thúy-Kiều rằng: « Kia, gã thư-sinh họ Kim đã tới nơi đây: mau mau đi tránh chỗ khác! » Kiều nghe nói, ngửng lên trông, thấy Kim-Trọng là người phong-lưu thảng-thích, ngồi trên ngựa xăm xăm đi tới. Kiều cùng Thúy-Vân kéo nép ẩn ở sau mộ. Kim-Trọng chạy tới trước mộ, xuống ngựa ra mắt Vương-Quan, làm ra dáng vô tâm hỏi rằng: « Tôn-huynh đến đây có việc gì thế?... Tôi mến Lưu Đạm-tiên là người cao trí, nên thử dạo chơi, không ngờ lại gặp nhân-huynh, thật là may-mắn! Hai vị tôn-nương kia là thân-quyến thế nào? » Vương-Quan trả lời: « Hai chị tôi đấy. » Kim-Trọng nói: « Đã là lệnh-thư, mà tôi với nhân-huynh kết nghĩa anh em, không có lý gì không tương-kiến! Vậy phiền nhân-huynh thông báo trước, tôi sẽ đến xin đến chào ». Vương-Quan từ chối không được, đành phải đến mé sau mộ nói với hai chị. Kim-Trọng đi theo đã tới nơi, hai người tránh không được, đành phải ra mắt. Kim Trọng cúi chào một cách rất lễ phép rồi lui lại một tý trông thấy Thúy-Kiều lông mày nhỏ và dài, con mắt sáng như nước, dáng như thu-thủy, sắc tựa đào-hoa, Thúy-Vân thì tinh-thần lặng-lẽ đoan-trang, có một phong-thái khác, khó mô-tả nổi.

Kim-Trọng lúc ấy thật là tinh-thần vì sắc đẹp mà tiêu tan, trong bụng nghĩ thầm rằng: « Nếu ta không được hai người con gái này làm vợ, thì suốt đời không lấy ai ». Nhưng ngại có Vương-Quan, không tiện ở lâu, chỉ lạo thảo mấy câu rồi từ-biệt.

Vương-viên-ngoại cho người đến đón, hai người con gái lên kiệu về nhà, thì giời đã tối. Trong khi hai chị em nói chuyện, Thúy-Kiều bảo Thúy-Vân rằng: « Chị nghĩ đến Kim-Trọng mà buồn cười, tại sao lại đi viếng Đạm-tiên? » Thúy-Vân trả lời: « Em chắc hẳn không phải đến viếng Đạm-tiên đâu, hẳn cốt lại xem mặt hai chúng ta đấy... ». Thúy-Kiều nói: « Cũng có lẽ, nhưng chị xem Kim-Trọng là người phong-lưu thảng-thích, chính là bậc tuấn-kiệt, không như những phường tục-tử tầm-thường. » Thúy-Vân nói: « Chị đã xét người được tinh-tường như thế, sao không tác hợp cho em? » Thúy-Kiều nói: « Chị tưởng nhân-duyên là tiền-định, không phải ép được. Hôm nay, chị em ta cùng gặp hắn, chưa biết sau này ra sao? Đó là nhân duyên của chị, hay nhân-duyên của em, phải chờ ngoạt lão chủ-trương. Còn như nói đến cử-chỉ của người học-trò ấy rất đoan-trang, chắc là có tài, hàn-uyên, chị đây được mộng tường kém, sợ không xứng đôi. Chị xem em phúc-đức hơn chị mười phần, mới đáng xứng đôi. Nhưng gã kia đã thấy mặt chúng ta, chắc chắn là tìm mưu-kế để gặp ta: chị em ta phải lấy chính đạo mà đối-đãi, nghĩa là cái thân người con gái, lúc trọng thì như thái-sơn, lúc khinh thì như lông chim hồng, không nên không cẩn thận ». Thúy-Vân nói: « Chị lầm lắm, những chuyện như cây liền cành, như sen tịnh-đế, em chưa hề nói đến một câu, mà chị chặn đầu chặn đuôi, nói một tràng dài, toàn là những câu phiền-não ». Thúy-Kiều nói: « Chị nói thế, là theo lẽ chính, sao em lại nghĩ ra những chuyện đâu đâu như thế? Thế em không lấy chồng hay sao? mà kiêng nói những câu chuyện ấy ». Thúy-Vân mặt đỏ ửng lên, chạy đi ngủ. Còn Thúy-Kiều sau này thế nào đến sau sẽ kể (dịch ở chữ nho) trong quyển *Kim Vân Kiều* của Thanh tâm tài-nhân, bản sao của Trường Bác-cổ, số 953).

***

Kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu, tức *Đoạn-trường tân-thanh*, và phường-bản của Quan-văn-đường, đều in: « Trăm năm trong cõi người ta, Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau » Chữ « ghét » viết nôm dùng « lầm » bằng chữ « cát », vì thế cũng có người đọc là « cot ». Quyển *Vương Kim đi-ngữ* (bản sao của

Trường Bác-cổ, số AB 234) viết « khẩu » bằng chữ « kiệt », thì chỉ đọc là « cợt », chứ không thể đọc là « ghét ». Quyển ấy dẫn câu chữ nho của Trang-tử : « Nhân sinh tại thế, nhất tài nhất mệnh tương vi hỉ cục », nghĩa là người ta sinh ở đời, một tài một mệnh cùng là trò đùa. Còn như đọc là « ghét » cũng do câu thơ chữ nho : « Cổ lại tài mệnh lưỡng tương phương », nghĩa là từ xưa tài mệnh hai bên cũng hại nhau. Nhưng thiết tưởng đọc là « cợt » thì nghĩa cao hơn.

— Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (in lại năm 1942, tr. 2) chép là « Cảo thơm lần giở trước đèn, phong tình cổ lục còn truyền sử xanh ». Các bản nôm đều chép : « Phong-tình có lục... » « Lục » nghĩa đen là chép, tức là một quyển truyện hay quyển sách : bốn chữ ấy nghĩa là có truyện phong-tình ; chữ « có » viết nôm thường viết chữ « cổ », đóng chuồng chữ « cổ » ở trong ; có khi viết thảo, chỉ viết chữ « cổ » rồi chấm hai cái hai bên ; vì thế mới nhầm là « cổ lục ».

— Các bản đều viết : « Một trai con thứ rốt lòng, Vương-Quan là chữ nối dòng nho-gia ». Duy kinh-bản in là « Một trai con thứ út lòng » : chữ « út » muốn phải hơn ; vả lại chữ « út » viết chữ « qui » bằng chữ « tốt » ; có người chỉ viết chữ « tốt » nháy hai cái, nên mới đọc là « rốt ».

— Câu « Làn thu-thủy, nét xuân-sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh », kinh-bản in là « Làn thu-thủy, vẻ xuân sơn... »

— Các bản nôm đều viết : « Một hai nghiêng nước nghiêng thành, Sắc đành đòi một tài đành hòa hai ». Bản quốc-ngữ (tr. 6) in là « họa hai » thì không đúng. Kinh-bản chua rằng : « Tiếng *đòi* tiếng *hòa* là tiếng lịch-sự ». Xét ra câu này không phải đếm số « một hai », chỉ là tài sắc không ai hơn nổi.

— Quốc-ngữ mới (1942, tr. 7), phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ, số AB 283, tờ 12 a) đều chép « Khúc nhà tạ dựa nên chương Mộ thiên hoè-mệnh lại càng mão-nhân ». Quốc-ngữ cũ (tr. 9) và kinh-bản chép « Khúc nhà tay lựa nên xoang ». Kinh-bản chua ngoài rằng : « Xoang là điệu đàn, chiếp là chữ chương thì không phải ».

— Các bản đều viết : « Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi ». Phường-bản chép là « Tiết xuân con én đưa thoi ».

— Câu « Thanh-minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh ». Phường-bản chép : « gọi là đạp thanh » thì không đúng.

— Quốc-ngữ (1942, tr. 16) và kinh-bản đều viết « Dập dìu tài-tử giai-nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm ». Chữ « nêm » này ở kinh-bản viết « thủ » bằng chữ « nam » thì đúng ; các bản nôm khác viết « thủ » bằng chữ « niên », cho nên có người đọc là « áo quần như nên » ; mà chữ « nên » với chữ « lên » ở câu dưới, liền vần hơn chữ « nêm ».

— Câu dưới « Ngổn-ngang gò đống kéo lên, Thoi vàng-vọ rắc tro tiền giấy bay », kinh-bản chua rằng : « Người xã Thịnh-liệt, Hà-nội, làm thứ mình-kim (vàng dưới âm-ti) tục gọi là vàng-vọ ».

— Bản quốc-ngữ (1942, tr. 19-20) viết « Nổi danh tài sắc một thì, Xôn-xao ngoài cửa thiều gì yến-anh ». Các bản nôm đều viết « Kém-gì yến anh ». Duy kinh-bản in là « hiềm gì yến anh ».

— Các bản nôm đều viết : « Kiếp hồng-nhan có mong-manh, Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên-hương ». Quốc-ngữ mới (tr. 20) chép là « Phận hồng-nhan có mong-manh, Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên-hương ».

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 12) chép là « Khéo thao khôn xiết sự tình, Khéo vô duyên mấy là mình với ta » Quốc-ngữ mới

(Xem tiếp trang 16)

Thái-bình quy trình cảm-tác

« Tiền-Hải, Kim-sơn » : truyện nước nhà,
Diễn-đàn, man-mác, bước chân ra.
Cánh hồng đầy gió qua Trà-Lý,
Suồng máy chia mui, ngợ! Nhị-Hà.
Mặt sóng rập rờn cây sát-sất,
Chân trời vắng vặc bãi xa-xa.
Nước lo, thuyền nặng, mây lo lửng,
Mây nước trên sông khách thẫn thờ...

NHẤT-NHAM

Dương Bá Trạc

đã qua đời!

THẠT LANG

Dương-Bá Trạc, biệt hiệu Tuyết-Huy, sinh ngày 27 tháng ba năm Giáp-thân (23 février 1884) tại làng Phú-thị, phủ Khoái-châu (Hưng-yên). Vốn nhà thi lễ, lại thông minh sớm, nên năm 17 tuổi, ông đã thi đỗ tú-tài.

Lúc ấy, ông thấy cái chính sách thực dân của người Pháp quá áp chế, đám quan trường tư phần nhiều lại bất lương, nên nhất định ông không ra xuất chính.

Lúc ấy, nước Tàu bị cay đắng nhiều phen dưới sức áp bách của các cường quốc khác, nên nhân dân lo việc sửa đổi lối học khoa cử cũ mà tiếp đón cái văn hóa mới của Tây. Những văn cổ sáy của Khang-hữu-Vi, Lương khải-Siêu tràn ngập khắp các sách báo mới xuất bản. Ông hàm xem sách báo ấy mà biết được những tư tưởng mới. Thế là, tuy ông là người xuất thân trong đám khoa bảng mà cái óc ông không phải là cái óc « bát cổ » nữa. Ông đã [illegible] vì nước từ đấy.

Năm Nhâm-dần (1902) ông được nghe tin ông Phan-bội-Châu sang Nhật vận động chính trị; hai năm sau, năm Giáp-thìn (1904), nhân ông Phan-chu-Trinh ra Bắc cổ động chủ nghĩa duy tân, ông được ông Chu-Chính mời đi lên thăm Hoàng-hoa Thám (tức Đề-Thám). Sau khi ông Chu-Trinh trở lại Trung kỳ, ông Trạc tự nghĩ: muốn cho dân biểu biết tất phải nâng cao trình độ dân, như vậy chỉ trông vào sự học, có học, dân trí mới khai thông, dân trí đã mở mang, tinh thần yêu nước mới một ngày tăng tiến.

Bởi thế, vào cuối năm 1906, ông cùng các bạn đồng chí là Nguyễn-Quyền, Lê-Đại, Hoàng-tăng Bí, xin phép chính phủ Pháp lập Đông-kinh nghĩa-thục. Đ.K.N.T là một cái trường học. Trường này được phép thành lập ngày tháng 5 năm 1907. mục đích mở trí dân, để hấp thụ âu hóa, hi vọng gội rửa cho dân các thói hủ bại để hướng lên đường văn minh. Ông Trạc rất đắc lực trong việc dạy học, diễn thuyết, bình văn. Ông lại cùng với các bạn trong Đ. K. N. T. cùng biên tập các sách mới, soạn những giọng ca cảnh tỉnh rất thiết tha, những bài hát về địa dư, [illegible] chống hiểu, sửa đổi [illegible]

« *Buổi diễn thuyết người chen như hội,*
« *Kỳ bình văn, khách tới như mưa.* »
(Nam thiên phong vân ca)

Đó là cái quang cảnh Đ. K. N. T. khi ấy. Cũng tưởng cái quang cảnh ấy diễn ra mãi, nào ngờ 9 tháng sau, thì cái thời kỳ oanh liệt của Đ. K. N. T. bị tiêu tán. Đ. K. N. T. phải đóng cửa ngày tháng giêng 1908, học sinh phải giải tán, ông Trạc cùng mấy bạn đồng-chí biết không thể lấy giáo dục hóa dân được, bèn quay sang phương diện kinh tế, úp nước mới xoay mở một hiệu buôn lấy tên là Hồng-tân-hưng chuyên việc tăng tiến quốc hóa.

Nhưng khốn thay, tháng giêng năm Mậu thân (1908), dân Quảng-nam kéo nhau hàng vạn người lên tỉnh xin giảm thuế rồi cuộc biểu tình ấy cứ lan đến khắp các tỉnh miền nam Trung kỳ.

Tháng 8 năm ấy, phái quân nhân ở Hà-nội định đầu độc các người Pháp.

Hai việc ấy làm Chính phủ Pháp rất ghét các thân sĩ. Ông Trạc cùng các bạn đều bị bắt giam ở Hà-đông cung khai và xét hỏi chín tháng giời dồng dã, ông bị đưa ra hội-đồng

(Xem tiếp trang 13)

TẠP-CHÍ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 6

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về việc nước ta dùng chữ nho trong các giấy-tờ công tư ở chương thứ bảy, trong có câu : « Chỉ có bởi đức Nguyễn Ánh cốn xưng vương, cùng bình-định xong Nam Bắc, là có dùng tiếng nôm làm các dụ sắc và công-văn... ». (tr - 69)

Câu ấy nhầm : nước ta dùng chữ nôm làm công văn, có lẽ đã lâu. Không biết từ năm 1232 Nguyễn Thuyên làm thơ phú chữ nôm, sau có dùng vào công-văn hay không : việc ấy còn phải sưu-tầm khảo-cứu. Duy có một điều chắc, là cách đây độ bá - mươi năm Trường Bác-cổ có sao được một quyển gia - phả họ Trịnh đề là *Trịnh-gia thế-phả* (số sách A 1824), trong có chép (ở tờ 8b-10a) tờ « truyền » của Trịnh - Kiểm (1503-1570) viết năm 1539 để sai thuộc-hạ bốc mả tiền-nhân. Nay lược dịch đoạn chữ nho ở quyển gia-phả (tờ 8 a) và chép tờ truyền chữ nôm như sau này :

« Khi Trịnh Kiểm được phong Dực quận-công (năm 1539, xem *Khâm-định Việt-sử*, q. 27, tờ 30 b), năm ấy 37 tuổi. Trịnh Kiểm trở về làng cũ (Sáo-sơn cũng có khi đọc là Sáo sơn, thuộc huyện Vĩnh-phúc phủ Thiệu-thiên, tỉnh Thanh-hóa, *K. đ. V. s.* q. 27, tờ 30 b-31 a), mở tiệc ăn mừng, thăm viếng mồ mả. Lúc ấy Thái-úy Dương-quốc-công mua được khu thổ-trạch có cả vườn ao ở địa-phận xã An-hoằng, đem tiền Trịnh-Kiểm. Kiểm xây dựng lành-tại để làm chỗ đi lại nghỉ-ngơi. Cứ ngày giỗ tết, thì đến từ đường, lễ xong, lại về hành- ại, làm cỗ bàn để khao thưởng quân sĩ. Sau lập các phủ-từ ở Sáo-sơn Biện-thượng và bộ quốc, lại lập ngự phủ ở An-hoằng và các xã thuộc huyện An-định, để làm nơi thờ cúng căn-bản. Lúc bấy giờ có thầy địa lý người nước ta, Trịnh-Kiểm gọi cho sửa sang các ngôi mả từ năm đời trở xuống ở xứ Mả-cũ lại phục ngôi mộ mẹ già ở xứ Đồng-sáng thôn An-việt, quả nhiên được long-mạch bại địa (?) Có tờ « chỉ truyền » của Trịnh Kiểm bằng nôm, chép phụ vào đấy :

« Chỉ truyền Thám-Thọ cùng nhân-Lộc, Thuần-Tín đằng (hai tên này không thấy nói rõ làm chức gì nhưng chắc có người làm địa-lý) : Việc tớ đã chắc càng giới cất càng tề-tiên, đã tốt lành, mọi nhẽ (cứ xem chữ « chỉ truyền » ở đầu, chữ « tư truyền » ở cuối, và chữ « mọi nhẽ » ở đây, thì rõ ràng là công-văn chính thức. Lại có tiếng « tớ », ngày xưa là chức quan tự xưng, như chữ « ta » bây giờ). Việc tớ nhậm hành (dùng làm) cho chúng ngươi (bấy giờ dùng tiếng cấp anh) về đấy, tớ được nay ngươi, thế làm sao cho tận trung nghĩa, làm sao cho nhà tớ giới truyền, hưởng phúc muôn đời. Đã mượn ngươi cẩn-thận nhậm sự (làm việc), đã trót định nơi mả-địa giới phụ tổ (mả-chỉ cũng mả tổ), dang xây mả tổ một bên mà dùng về bên ta, mà đêm ở yên thì đặt la-kinh cho chính phương hướng, xem định ngày, dự đau cho mình (bao ngày xem, đánh dấu cho rõ), ngươi chớ ăn thận, chớ đến giờ hợi; khi đeo thì lấy việc. Tớ mượn ngươi đã biết việc : đã thì lấy cũng vậy, dù kẻ bảo kẻ sáo thì cũng vậy (*thầy* là thầy địa-lý, kẻ *bảo* là người đi bảo dẫn đường, kẻ *sáo* là người đi đào mả, đến đây đêm hôm, chớ cho biết là đâu, mới yên lòng tớ). Tớ đã tin dùng, ngươi phải vâng lời, cẩn thận cho lắm, để tớ được cậy. Việc là can-hệ, chẳng phải chơi đâu. Mà ngươi khi cải-hành (làm việc cải cát), phải cất kẻ nhậm-sự cho nên (dùng người làm việc cho xứng đáng), lên đường Long tự hội mà cải (họp nhau cải cát), mà ngươi dùng cộng quản-phủ (coi phủ Trịnh Kiểm) phà ngươi đi cùng. Chính việc thì mượn ngươi cứ giờ hợi, mà ngươi xem đồng-hồ cho chính giờ (có lẽ là đồng hồ nước) mà ngươi mặt-hành (làm kín) cẩn thận, cho nên việc sẽ xá (xong việc sẽ ra). Đường thì xa, tớ đã tin dùng, ngươi nghĩ thế nào cho cẩn thận, chẳng phải gần mà trễ lời. Đi lại sự (bản nôm sao đúng thế, nghĩa là sự đi lại) thì mạc ngươi, liệu dùng mọi nhẽ cho vẹn tròn tốt

(*Xem tiếp trang 73*)

THÁP BÌNH-SƠN
VỚI
NGỤY ĐỒ-CHIÊM

Số 2

Biệt lam. TRẦN-HUY-BÁ

Khi mang ra xây, thợ cứ theo thứ tự mà đặt vào rồi gắn vữa các mạch, cứ thế dần dần, xây cao tới ngọn. Công-trình như thế kể biết mấy mươi! Đến bây giờ đã ngót nghìn năm, mà gạch vẫn trơ màu đỏ sẫm, rắn tựa sành gà; những đường chạm trổ, và tinh vi như koi mới dựng; dù biết giá trị tháp này là thế nào! Tiếc vì lâu ngày nên mấy tầng trên đã đổ nát, không biết còn cao là bao nhiêu nữa!

Về phương diện tôn giáo, ta nhận biết rằng: cái ảnh hưởng Phật-giáo đã bành-trướng vào xứ ta hồi đó cực thịnh, nên chỉ một nơi nẻo lánh gần núi rừng như ở vùng này, mà lúc bấy giờ đã có các nhà tu hành mộ đạo tìm nơi ẩn dật ở chốn sơn lâm, rồi xây chùa dựng tháp, để lại cái dấu vết trăm xưa. Biết đâu nơi nầy chẳng còn có những nếp chùa nguy nga bùng vĩ, tiếc rằng sử sách không có chỗ nào nói đến các vị tu hành ở vùng này, và ai đã xây dựng tháp này. Cả đến bia ký cũng không còn một dấu vết gì để giúp cho ta biết hơn được nữa!

***

Về phương diện lịch sử, tháp ấy lại cho ta biết một đoạn sử rất ly-kỳ về hồi Lê mạt. Cứ theo các bực cố lão (1) ở vùng ấy thuật lại, thì ở chỗ tháp này xưa vẫn có ngôi chùa, tục gọi chùa Then, và cây tháp gạch xây 18 từng. Chùa lâu ngày đổ nát, dần xã tu bổ dần dần, bây giờ thì toàn là mới cả. Duy có cây tháp thì tương truyền rằng: các đường mạch và các góc tháp đều bọc bằng chì chất then (2) có chân sâu gắn vào thân tháp (hiện các lỗ chân hồng ấy bây giờ vẫn còn). Mà chi ấy thì đã bị bóc hết vào hồi Minh-thuộc, Trương-Phụ sai quân lấy hết chì ấy để đúc dạn mà chống với đức Bình-định vương Lê-Lợi; còn ngọn tháp thì bị đổ vào hồi Lê-mạt. Trên ngọn tháp ấy có viên ngọc thạch, chạm thành ba quả thìu lịu, to như cái nồi ba. Khi bị bão đánh đổ, hòn đá ấy rơi xuống sân chùa. Bấy giờ, chợ Then vẫn họp ngay ở cửa chùa, nên có một bà cụ bán hàng nước chè nhặt được dùng hòn đá ấy để làm đồ rau mấu nước

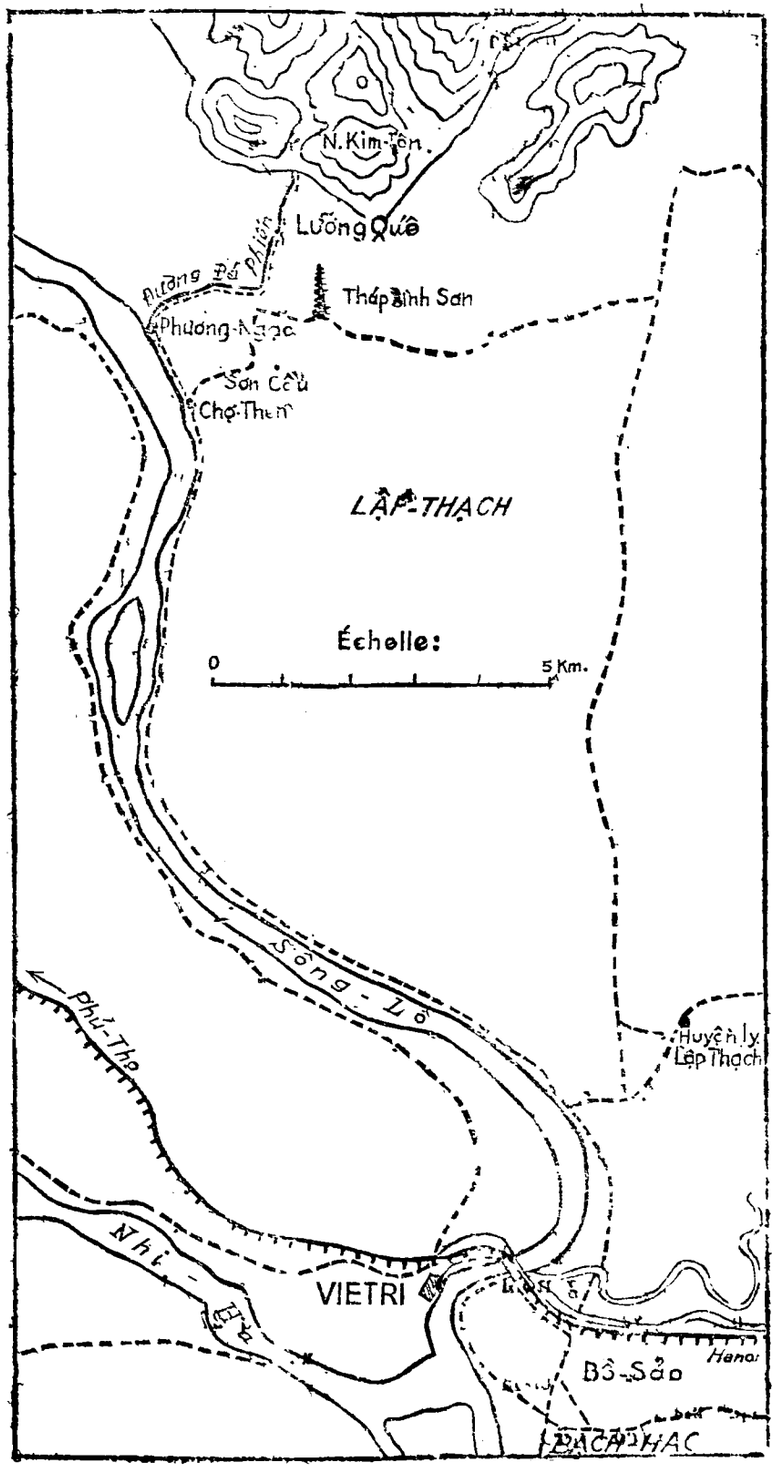

bán hàng.

Một tối, có ông Đồ-Chiêm (3) ở làng Quế-n, am Lường-quế tổng Đạo-kỷ (4) ra chợ chơi, vào hàng bà cụ, thấy hòn đá đẹp, mới xin bà hàng đem về nhà.

Sau đập hòn đá ra, được ba cục vàng ở trong. Từ đó, Đồ-Chiêm ngày càng thịnh đạt, bèn thả của ra mua lòng người, sắm khí giới, thu nhân lạ theo về làm vây cánh rất đông.

Rồi Đồ Chiêm tụ tập ở núi Kim-tôn, xây dinh, lập trại, mưu đồ xưng đế xưng vương (5). Đồ-Chiêm truyền cho quân lính phải khiêng những tảng đá to bằng tấm phản, xếp thành một con đường cá để vận lương từ ngoài sông vào. Từ chân núi Kim-tôn ra đến bến sông Phương-ngạc (coi bản đồ), dài gần 4 cây số, mà công-việc chỉ làm có trong một đêm đủ biết quân lực của Đồ Chiêm đã hùng hậu lắm.

Triều-đình nhà Lê đã mấy phen đánh mà vẫn không dẹp tan.

Tới tháng 5 năm Gầu thìn thứ hai (1741), chúa Trịnh Doanh sai quan Đốc-lãnh Son-tây là Lê-Lợi và quan hiệp-đồng Tuyên quang là Nguyễn-Qua đem quân đánh Nguyễn Diên tức Đồ Chiêm ở vùng An-lạc.

Chiêm sai đồ-đảng đem binh thuyền thuận dòng xuôi xuống hẹn ngày 13 tháng 6 (năm tân-dậu 1741) thì qua bến Cốc (bến sông làng Vân-cốc, thuộc huyện Bạch hạc, Sơn-tây). Nguyễn Quai đã biết mưu ấy, bèn chọn một đội khinh-binh, dùng cờ đen, đội nón lá giống như quân Đồ-Chiêm, kéo thuyền đến trước. Đồ-Chiêm tưởng lầm là quân của mình, không phòng bị liền bị quân Nguyễn-Quai đánh úp (6). Đồ Chiêm bị loạn quân giết chết; còn dư đảng bỏ thuyền lên bộ chạy dài. Quân Nguyễn-Quai thừa thắng, đuổi đánh: giết hại vô kể. Quân khí và điều cầy (7) của quân Đồ-Chiêm bỏ lại đầy đường! Thế là quân của Đồ-Chiêm tan hết, còn dinh trại ở núi Kim-tôn thì bị Quan-quân phá hủy. Mà nhà Đồ-Chiêm táng ở sườn núi Đình-nhân cũng bị quật lên đổ than do vào giếng huyệt cho mất tích. Hiện giờ quanh vùng mả ấy vẫn còn ngọn suối gọi là: « Tiếng thình đà lăn ». Tiếng suối chảy ra nghe như tiếng trống. Đó tức là di tích, mà nhà Đồ-Chiêm còn lại vậy.

(Hết)

BIỆT-LAM TRẦN-HUY BÁ

---

(1) Bô cụ chánh tổng Đạo-Kỷ Nguyễn quang-Bài nhớ nhời của các cố lão vùng ấy mà thuật lại.

(2) Vì vậy mới gọi là chùa Then.

(3) Sử chép là Nguyễn Diên.

(4) Coi bản đồ.

(5) Năm 1937, viện Bác-cổ có đào đình núi Kim-tôn được nhiều gạch cổ, có một hòn vỡ mất một nửa dưới có ghi niên-hiệu là « Nguyễn-triều khai thiên thống vận hoàng đế, tạo kỷ cảnh . . . . »

(6) Khâm-định Việt-sử chính biên quyển 39, tờ 10 b.

(7) Vùng ấy còn có chỗ gọi đồng Đồ-Chiêm là giặc « điều cày

Việt-nam văn-học...

(Tiếp theo trang 9)

lành, cho tớ cậy. Nhược bằng khai-thấn, thế-quan (lúc mở áo quan, nhặt xương sang tiền) thì đợi giờ dần ngày tăm chiu an táng thì sẽ đợi giờ lợi. Đường thì xa, mặc người liệu cho kịp giờ mới nên việc. Mọi việc chính-hà ii (làm thế g) người gữ làm sao có ai đấy, cả g thầy mả (thầy địa-lý) cho ai biết, chớ cho tuờ g sự-lý, (đúng cho biết) thì mới yên lòng tớ. Kim-ngân lễ-vật, tớ nhậm hành cho, mà người phải nghĩ, dầu tế cáo việc chi, thì làm da-hậu cho trọng-hậu, mà người trai-giới chí-kính cho tu việc. Chính đúng thì dùng cái gỗ vàng tâm, ấy cái tiền cải-táng vậy. Đương xa tớ đã yên lòng nhậm sự cậy dùng ta đã yên lòng là nhờ cậy được người giúp việc; dầu làm việc trước sau, người phải nghĩ-tiết-thứ (lần lượt) mà dụng hành việc gì đáng trước làm trước, đáng sau làm sau. Những việc dùng thế nào, hoặc là mộng-hiện (nằm mộng thấy), hoặc là tường-thụy (có điều gì), thấy những điều chi, hoặc khi thế quan-tài (thay tiền), hình-hài đã tiêu hóa thế nào, cho hết mọi nhẽ, thì mặc người dụng-hành (tùy người làm), mà biến một trần sự thực, cho hết tinh-tự (nguyên-ủy), trước sau mọi lời, tường-tận minh-bạch. Rồi việc (xong việc) thì cho ra kíp, cho tớ được biết, cho yên lòng tớ. Mà người hãy biết tạm ở lại, xem làm ba giá ngựa (?), cho yên mọi nhẽ. Ngoài năm mươi ngày cho biến-hóa vẹn vẻ thế nào, hãy có tin ra, cho yên lòng tớ, dạy thế nào thì người sẽ ra chầu. Người xem cẩn thận cho bằng lòng tớ, cho tớ cậy với. Như đất cải về đất, thì lại hoàn đấy (đào lớp nào, trả lớp ấy cho chóng hoàn thổ). « Tư truyền » (*Trịnh-gia thế phả*, bản sao Trường Bác-Cổ số 1821, tờ 8 b dặn 10 a).

Lời văn có vẻ đồ: nhiều câu còn phải dùng cả chữ nôm, nhiều câu chưa luyện, có thể tin là văn đời Lê trung hưng về thế-kỷ thứ 16.

Bao giờ xem hết các gia-phả và cả giấy tờ cũ của Trường Bác-cổ đã sao được, và của các họ to trong nước còn giữ được, thì bấy giờ mới biết chữ nôm dùng làm công-văn từ hồi nào. Dù sao, cũng không nên nói là « chỉ có hồi đức Nguyễn Ánh... dùng tiếng nôm làm... công văn » vì sách còn chép tờ truyền bằng chữ nôm từ đời chúa Trịnh kia mà.

(*còn nữa*)

Ưng-hòe NG.-VĂN-TỐ

Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà..

Thử tưởng lại đời Hán thuộc, cách nay ngót hai nghìn năm :

— Trời đất đang u-ám, mặt trời mặt trăng đông mịt-mù, ấy ai đã ra tay gạt mây-tối, vén mây đen, tung ánh sáng rực rỡ, tưng bừng rọi khắp sông Lô, núi Tản ?

— Trưng vương

— Đất đai đang khô xác, hoa cỏ đang tiêu điều, ấy ai đã làm móc, làm mưa, rảy tưới cho muôn tia nghìn hồng trong vườn Hồng Lạc ?

— Trưng vương !

— Nhân dân đang bơ vơ, khát sữa, đói cơm trong cảnh mẹ gà con vịt, ấy ai đã mở lòng ấp ủ, rủ bóng phủ che, đặt con đỏ lên chăn êm, chiếu ấm ?

— Cũng Trưng vương !

— Đồng bào đang làm than, trai làm nhân thần, gái làm nhân thiếp, địa ngục khắp dương gian, ấy ai đã tháo cũi, phá lồng, chặt xiềng, bẻ xích, lấy lại tự-do cho bao triệu sinh-linh, giựt lại bản đồ trong 65 thành-quách ?

— Vẫn Trưng vương !

Ôi, Trưng vương, Việt-nam đệ nhất nữ anh-hùng !

Nhưng, đau đớn thay, trang lịch-sử rất oanh-liệt, rất vẻ vang : ngoài đuôi giặc Đông Hán tàn bạo, trong đựng cờ tự chủ huy-hoàng này, ngót một thế kỷ nay, chúng ta chỉ âm-thầm đọc trong bóng tối !

Giờ Giải-phóng đã điểm. Chuông Độc lập đang rền... Ta hãy cùng nhau cao giọng mà hát :

« Chị em mặng một lời nguyền,
« Phất cờ nương-tử thay quyền tướng quân ! »

Viết ngày bi-vạn đồng-bào dự lễ kỷ niệm Hai Bà tại "Việt-Nam học xá"
(6 tháng 2, Ất-dậu. 1945)

HOA-BẰNG

Dương-Bá-Trạc

(*Tiếp theo trang 8*)

để bình Hà-nội làm án 15 năm biệt xứ, và giam ở Côn-lôn, cùng với các bạn Võ Hoành, Lê Đại, Nguyễn Quyền. Ông Phan-Chu-Trinh bấy giờ cũng đã ở đấy với mấy ông Hoàng-Thúc-Kháng, Ngô - đức-Kế.

Khi ở Côn-đảo, sau những lúc phải khuân tre, đập đá, ông thường nghĩ ngợi không biết nên sống ấy cùng thân thế này có vì nhau mà gặp gỡ chăng. Ông thấy cơn sóng nổi lên mà tưởng đến cảnh dân bị áp chế, ông nghe tiếng chim rít rít mà nhớ tới tình nhà chia rẽ. Ông càng nghĩ thì ông càng tức, kia ai chuyên quyền, kia ai bất nhân, để cho ai chau mày, nghiến răng, đứt ruột, đau lòng !. Nhưng nhiều khi ông cũng được hả hê là được cùng anh em họp mặt để tỏ bày tâm sự, xướng họa văn thơ.

Nhân một ngày tết, ông được gặp ông Phan-chu-Trinh, đông cả các anh em đồng tù, ông Chu Trinh có nói một câu: « Xin anh em chớ ngã lòng, tôi dám chắc rồi chúng ta còn có ngày múa, nhưng anh em phải giữ định kiến...» Thì ông có gắm sai định kiến đâu, ông muốn mong có ngày được múa trên vũ đài.

Sau hơn 20 tháng ở Côn-lôn, ông được trở về.

Thân ông tuy thoát khỏi chỗ đầy xiềng, nhưng tình cảnh ông lại lâm vào nỗi giam lỏng: ông phải an trí tại hạt Long - xuyên, cũng như các ông Nguyễn Quyền phải ở Bến Tre, ông Võ Hoành ở Sadec, ông Hoàng-Tăng-Bí ở Huế, v.v. Năm ấy là năm 1912. Ông ở Long-xuyên, lấy nghề dạy học bắc thuốc làm kế sinh nhai, tuy cái khổ về vật chất không đáng kể, nhưng ông luôn luôn đau đớn tinh thần: có miệng không giám nói, có óc không giám nghĩ, vì người ta coi ông là một người nguy hiểm có thể reo rắc những mầm khởi loạn, cách mệnh, chứ có biết đâu công việc ông trước chỉ là dùng cái lưỡi và ngòi bút để đánh thức dân Nam đang ngủ say mà thôi.

Ở Long-xuyên được 5 năm, năm 1917, ông được ân xá về Bắc. Ông Toàn - Quyền Sarraut khuyên dỗ ông ra giúp việc chính-phủ Pháp, nhưng ông nhất định từ chối, chỉ nhận làm một chân bình bút cho báo Nam-Phong. Ông vẫn cho rằng: muốn cho nước trở nên phú cường bằng người thì phải làm thế nào cho dân trí khai thông đã, vì vậy mà ông tận tụy về nghề báo. Ngoài tờ Nam-Phong, ông còn giúp cho mấy tờ khác, nhất là tờ Trung-Bắc tân văn.

Mấy năm sau, hội Khai trí tiến đức ở Bắc-kỳ thành lập, ông đã cùng ban văn học khởi thảo bộ Việt nam tự-điển.

Khoảng 1932-1935, ông đứng chủ trương tờ *Văn học tạp chí* và khoảng 1935-1936, tờ *Đông Tây báo* cả hai tờ báo đều do ông Dương Tự Quán quản lý).

Ông viết văn nhiều, làm thơ nhiều, nhưng óc ông vẫn sôi nổi việc cải cách trong nước.

Năm 1941, nhân ô. Paul Reynaud, Tổng trưởng bộ thuộc địa Pháp sang ta, ông lấy tư cách là một người dân nước Nam có gửi một bức thư đem cái tình hình nguy khổ trong xứ mà tỏ bày, rồi ông yêu cầu cải cách việc học, việc nông, việc công, và việc thương mại.

Năm 1935, ông cùng các ông Nguyễn Năng Quốc, Nguyễn quang Oánh, Lê-Dư, v...v... sáng lập hội Phật giáo Bắc - kỳ và dùng tờ Đuốc-tuệ làm cơ-quan để duy trì nhân tâm thế đạo.

Bề ngoài thì ông vẫn tỏ cho ai nấy biết ông nghĩ các việc công ích, nhưng cái ách nô lệ người vẫn canh cánh trong lòng ông, nên ông tiềm tàng bao nhiêu cơ trí, mưu mô, mong đạt được mục đích mình. Trong khi chờ cơ hội, thì người Nhật sang ta, ông rắn toan chuyến này đi ra giao thiệp với các bạn đồng chí ở hải ngoại hòng lo cuộc tự chủ cho nước Nam.

Ngày 29 tháng mười 1943 (tức mồng một tháng 10 năm Mùi) ông từ giã nhà, đi ngoại quốc. Không ngờ, ngày 26 tháng 10 năm Thân (11 tháng chạp 1944) ông đã mất ở Chiêu-nam.

Ông Dương mất, quốc dân tiếc thương lắm. Ngày thứ bảy 17 tháng ba 1945, trong lễ truy điếu các nghĩa sĩ Việt Nam tại nhà hát lớn Hà-nội, ở bài điếu văn đầu tiên, quốc dân đã liệt tên ông vào lớp người nho lâm cùng với hai ông Phan Bội Châu, Phan-Chu-Trinh.

Ngày 18 tháng ba 1945, trong lễ truy điếu ông tại trụ sở hội Bắc kỳ Phật giáo, ông Lê-Đại và ông bảng Bùi Kỷ đã đọc hai bài truy niệm rất cảm động.

Trong một số báo sau, sẽ xin lục đăng bài của ông bảng.

***

Ông Trạc có những sách này đã xuất bản: *Tiếng gọi đàn, Trai lành gái tốt, Chữ nho học lấy, Bức thư ngỏ cùng quan tổng trưởng thuộc địa Nhật mục, tinh, Gia lễ giản yếu* nói

THẤT LANG.

HOÀNG DIỆU. . .

(Tiếp theo trang 3)

2) *Truất hai cái tú tài* — Lại có hai ông tú, một ông tên là Viện ở làng Thạch Bộ (thuộc Đại lộc) một ông tên là Khiêm ở Kỳ-lam (thuộc Điện-bàn), giàu có mà không chịu quyên tiền cứu mạng dân nghèo. Phần đông oán giận đều kêu với cụ Hoàng-Diệu rằng hai ông tú ấy học dốt mà đậu là nhờ tiền, vậy tin cụ xét cho. Cụ tâu về Triều xin bắt hai ông nầy bạch lại. Quả hai ông đều mất tú-tài.

Chẩn tế xong, dân sự đều yên, vua cho cụ ở tuần phủ Quảng-nam một năm.

Giữ thành Hà-nội — Mặc dầu đã trả lại thành Hà-nội cho nước ta, nước Pháp vẫn lo việc thôn tính Bắc-kỳ, trong khi sự cai trị Nam-kỳ đã thành nền-nếp. Lại nhân có các nước Ý-đại-lợi, Y-pha-nho, Anh-cát-lợi và Hoa-kỳ muốn sang thông với nước ta (1) nên người Pháp càng lo tính gấp việc, nhưng hãy còn chờ dịp tốt.

Từ khi ra tổng-đốc Hà-nội, cụ Hoàng-Diệu chăm lo việc phòng bị: một mặt cụ lo sửa soạn thành trì, luyện tập binh lính (2), một mặt tâu về Triều xin thêm binh (3); vì theo ý cụ, Hà-nội là cái cuống họng của đất Bắc-kỳ (4).

Cuối năm tân-tị (1881) 2 người Pháp đi đàng Bắc-kỳ lên Vân-nam bị giặc Khách ngăn-trở ở Lao-kay. Ông Le Myre de Vilers Thống-đốc Nam-kỳ, gửi thư về Pháp xin dùng binh lực để dẹp yên đất Bắc; người Pháp lại còn trách rằng Triều-đình Huế thất-lễ với ông Khâm sứ Rheinart, nên nước Pháp phải binh vực quyền lợi của người Pháp (5).

Thế rồi, theo lệnh của Thống đốc Le Myre de Vilers, bải quân đại tá Henri Rivière đem binh thuyền ra Hanoi (5). Cụ Hoàng Diệu sai Lãnh phủ Hoàng hữu-Xứng ra tiếp đãi tử tế, song *« người tuy giao thông, trong chăm những là »*.

Ngày mồng bảy tháng ba năm Nhâm-Ngọ (1882), quân Pháp hạ chiến thư. Lập tức cụ sửa-soạn nghênh chiến: chia cắt quân lính canh phòng, đem vàng bạc treo giải thưởng cho người nào sẽ giết được quân địch và *« thề quân rót chén rượu quỳnh đầy vơi »*. Tướng sĩ ai nấy đều cảm động đến rơi lụy nguyện *« ai ai xin quyết một bề tận trung »* (6).

Sáng hôm sau — *« buổi ngày mồng tám mới qua giờ thìn »* (độ đồng hồ 8 giờ) — (7) cụ Hoàng Diệu sai Án sát Tôn thất-Bá ra thương thuyết. Khi Bá vừa ở trên thành bỏ thang leo xuống, thì quân Pháp bắn vào thành. Bá chạy trốn mất. Hoàng Diệu mặc dầu đang đau, xông ra đầu quân (8) cùng Hoàng-hữu Xứng chống cự cửa Nam và cửa Tây, cửa Đông và cửa Bắc thì đóng giữ lại (9). Hai bên đều có chết (10). Có một ông Hiệp-quản tên là Thiện bắn chết được một võ-quan Pháp, cụ Hoàng Diệu liền thưởng 30 lạng bạc. Quân sĩ ai nấy đều vui mừng (9).

Song đến 11 giờ trưa (11), *« hy vọng đồi chiến địa, cuộc chiến đấu đồi linh hồn »*: Không biết vì sao kho thuốc súng bên ta bị cháy, quân Pháp liền đo cửa Tây leo vào thành (12). Quân Nam rối loạn, đều bỏ chạy cả, như *« Vũ giai Đề đốc Lê Trình cùng là chánh phó Lãnh binh một đoàn, đương khi giao chiến ngang tàng, thấy quân hầu đồ vội vàng chạy ngay »*. Còn ông bố Nguyễn văn Tuyển bỏ dây xuống thành trốn mất. Cụ Hoàng Diệu *« biết cơ thành bại ở Trời »*, nên *« quyết đem danh tiết để đời thử trông »* (Bắc tỉnh ca) Cụ mặc dung bận triều-phục, vào Đành cung bái vọng khóc rằng: *« Sức thần đã hết rồi »* (13); rồi lại Võ miếu thắt cổ tự tận (14). Còn Hoàng-hữu-Xứng nhịn ăn mấy ngày, song sau lại ra làm quan. Đến đời Thành-Hữu Xứng làm Thượng thư bộ lại Kiêm chức Tổng tài sử quán.

Trước khi chết Hoàng Diệu có thảo một tờ di biểu dâng vua, đại ý nói rằng:

« Thần là một kẻ thư-sinh biết đâu việc binh-bị (15) mà Bệ-hạ giao cái chức-vụ quá trọng (16) làm sao tin được lòng giặc (17), nên thần lo sửa soạn đề phòng (18) Việc chưa xong thì binh Pháp kéo đến. Thần trộm nghĩ: Hà-nội là cái cuống họng của Bắc-kỳ (19) nên thần thường tâu về Triều xin thêm binh (20). Nhưng lại bị Bệ-hạ quở trách (21). Thần đau đớn vô cùng (22). Thường thần cùng các bạn đồng-liêu bàn định: người thì bàn nên mở cửa thành, kẻ thì khuyên nên giải binh (23). Song thần dù xương

nghiệp thân dập cung không sao làm mấy điều đó được (24).

« *Việc tính chưa xong thì ngày mồng 7 giặc hạ chiến-thư, rồi ngày mai khởi đánh. Thần đã mang bệnh, xông ra đầu quân chống cự. Được nửa ngày, thế ta kiệt (25), quan văn thì chạy, quan võ cũng tùy cơ theo giỏ (26) Lòng thần đau như cắt (27).*

« *Bất tài, thần tự nghĩ sống cũng vô ích (28) dầu thần đã biết thành mất mà cố chết cũng còn có tội (29) chớ thần đâu dám nói chết là trung-nghĩa. Một mình thế với Long-thành, nguyện theo Nguyễn-tri-Phương nơi suối vàng vậy (30). Vài dòng huyết lệ, cửa rồng muôn dặm, xin mặt trời mặt trăng soi tỏ tấm lòng son (31).* »

Lời văn rất lâm-ly, xem rất cảm động.

Năm ấy Hoàng thọ được 54 tuổi. Phái văn-thân Hà-nội nghe tin, xin phép vào thành, rồi « *rủ nhau tiền góp gạo chung, đem ngài ra táng ở nơi Học-đường.* » Vua Tự đức khen rằng : « *Diện tận trung tử tiết, nugnh xuất luân bối* » nghĩ là : « Diệu hết trung mà chết theo tiết - nghĩa, thật hơn xa các bạn. » Rồi truyền cho các quan tỉnh Hải-dương, Nam-định theo thuyền đem quan-tài cụ về Quảng (32). Hai con của cụ là Tuấn và Hiệp đang thi ở Huế, liền ra Hà-nội và mua áo quan khác cải-hậm (33). Người ta nói rằng khi mở hòm ra chẳng có mùi gì cả mà người cụ thì như người nằm ngủ, (Lúc nầy đã đến tháng 6).

Ngày 24 tháng tám mới làm lễ chôn cất (32). Vua có ban 1000 quan tiền để làm đám và có Khâm-mạng đến tế một bài quốc điếu văn (34). Các quan tỉnh Quảng-nam đều đến lo việc tế lễ (35). Ngoài các liễn đối bằng chữ nho rất nhiều, còn có các bài ca bằng quốc âm để ca-ngợi người trung-liệt (34) ; trong các bài nầy có bài *Hà-thành chính - khí ca* (36) là dài và tỏ rõ những việc đã xảy ra khi thất-thủ Hà-nội ;, còn các bài khác như : *Hà - tiên thành ca, Bắc tỉnh ca Đông tỉnh ca,* v.v.. không biết của ai làm

Sau vua Tự - đức muốn truy-tặng người trung-thần giao cho đình-thần bàn-định. Nhưng vì có người không chịu, nên rốt cuộc đến năm Tự-đức 36 (1883), cụ chỉ được thờ vào miếu Trung-nghĩa ở Huế (35). Ở Hà-nội, người ta cũng thờ cụ vào miếu Tam-Trung với Nguyễn-tri Phương và Đoàn Thọ (37). Có người nói chính Ông-Ích-Khiêm là người đã đòi-khăng việc truy-tặng Hoàng - Diệu : Ích Khiêm nói rằng : « Khi ra Hà-nội, Hoàng Diệu đã đem theo một chiếc dây rồi, chứ tài giỏi trung-liệt gì mà truy tặng. » Nếu thật vậy, thì cụ Tiểu Phong-lệ (tên thường gọi ở Quảng nam) đã quá khó tính đến nỗi khinh người mất.

Dù Hoàng Diệu không có tài thao lược như ông tướng Ích-Khiêm — mà dẫu có, tướng cũng khó lấy xương máu mà chống, súng đạn — song chính là một người trung-liệt, một người rất thương nước. Nếu không trung-liệt, thì sao không bắt chước các bọn tham sanh uý-tử để được quyền cao tước lớn ? Nếu không thương nước thì sao đã để nước nặng hơn nhà (quốc sự vị hoàn, gia tình hề cố) ? thì sao đã thường lo cho làm sao nước mạnh để ngừa ngoại xâm, để cho cường lân thần phục (như hà nhi chấn-chỉnh ngã binh, như hà nhi tráng phương diện dĩ đồ ngoại khuy, như hà nhi phục cường lân dĩ bảo đại cuộc : 為 tạ ơn vua ban để cha mẹ) ? Nếu không yên nước thì đã dâng thành cho địch hay giải binh rồi. Nếu không yên nước thì sao đã dám xông xa đầu quân để chống cự ? Tại sao đã chịu chết theo thành khi thành về tay quân địch?

Tấm gương hi sinh vì nước ấy thật đáng để cho muôn thủa soi chung.

KHUÊ TRAI

(1) Xem Việt-nam sử lược quyển hạ, trang 266.

(2) Xem bài biểu của Hoàng dâng cho vua trước khi chết : « *Tam niên vu tư, huấn luyện giáp binh, thiên ta thành bảo* »..

(3) Cũng trong biểu ấy : « *Thần vị thử cụ, khẩn tư lân hạt thượng văn triều-đình khất của thiên binh tảo cập sư* ».

4) Cũng trong biểu ấy : « *Hà thành nãi Bắc-kỳ yết hầu chi địa, nhi vô ngã quốc yếu hại chi khu, nhưng đán hoặc chi thổ băng, chư tỉnh thứ tàng ngõa giải* ».

5) Xem V. N, sử lược trang 267, 268.

6) theo Đại-Nam chính biên liệt truyện chỗ « Đốc Hà-Ninh chế khả Hoàng-công di biểu tinh dĩ khốc chi » (đoạn nầy có lẽ là của H. h. Xứng viết vì hồi Thành thất cụ làm Tham tài sự quân).

7) Trong V. N. S. L. thì nói là 23 giờ ngày mồng 8 lồng đốc tiếp được tốt bản thư của đại tá ., rồi « 8 giờ » khởi sự đánh. Song trong bài biền của Hoàng thì là : » bốn ngguệt sơ thất nhựt tiền ha chiến-thư tứ nhựt cấp kinh lặc binh phong tự thương phẩu lei thanh... »

8) Biểu của Hoàng : « Thần tuy phò bình, vì sự tất tiến... »

9) Theo Đ.N.C.B L.T chỗ « Độc Hà ninh chế phủ Hoàng-công .. »

10) Theo Đ. N. C. B. L. T. Trong sở Hoàng thì nói Tây chết hơn trăm xạ lệ bách dư Nghi ngờ lắm! còn trong bài Hà thành chinh khí ca thì là : « Nữa ra nó chết cũng nhiều. »

11) Theo V. N. S. L. Trong biểu H. chỉ nói . « Thả lử bán nhựt. . »

12) Theo Đ. N. C. B L. T — Có người ngờ là bên ta có người phản: « Nội công phải những bao giờ, thấy kho thuốc cháy ngon cờ ngả theo » (Hà thành chinh khí ca).

13) Theo Đ N. C. B. L T. —

14) Theo Gia phả thì cụ chết tại Võ miếu. Trong Đ. N. C. B. L T. tập nhì quyển 38 chỗ « chư thần liệt truyện nhị thập bát Hoàng Diệu: dệ văn Bằng, chấn phụ » thì nói chết tại cây đại thọ gần miếu Quan Công. Mà cũng trong Đ. N. C. B L. T. chỗ « Độc Hà ninh chế phủ Hoàng công di biểu » thì nói chết tại Võ miếu. Theo người hầu cận cụ Hoàng Diệu — bây giờ chết rồi — thì cụ chết tại Võ miếu

15) « Nhựt giới thư sinh tố bất tập phù biến sự ».

Muốn làm giàu mua vé số
Dòng Dương
2$00 một vé

16) Ủy nhiệm thậm cự.

17) Hựu hàm tín phủ nhung tâm.

18) Huấn luyện giúp đỉnh thiện tự thành bảo.

19) Hà-thành nữ Bắc kỳ yết hầu chi đáp

20) Thượng văn Triều đình khất cầu thiểm bình!

21) Nhi chiếu thơ mỗi hạ trách thần ..Lúc nầy nhưa Tự-đức lưỡng lự giữa phái chủ-hòa và phái chủ chiến.

22) Phục độc huấn từ hữa gia phủ việc.

23) Hoặc vị khai môn nhi thỉnh bỉ chi xuất « hấp hoặc vị triệt binh sĩ thích-bỉ chi ghị hiềm.

24) Thần tuy phấn cốt toái thân hữu sở bất nhẫn.

25) Thủ tử bán nhựt, bỉ dinh ngã kiệt.

26) Văn thần tắc khiếp địch nhi quân bôn, võ thần tắc vọng phong nhi tùng hội

27) Thần thôn tâm như cắt.

28) Tướng lược phi trường, lự qui sanh nhi vô ích.

29) Thành vong mạc cứu, tùng nhiên tử hữa dư cô.

30) Cô trung nhi thệ dữ Long-thành, nguyện trùng tiền thần Nguyễn-tri-Phương ư địa hạ.

31) Số hàng hugết lệ, vạn-lý quân nôm, nguyện nhựt ngguệt chi chiến minh, bền thần xích tâm nhi dĩ.

32) Theo gia-phả.

33) Áo quan của thân sĩ Bắc-hà là ao quan thường, mà người cụ Hoàng Diệu thì to lớn lắm, nên khi liệm phải co hai gối. Con cụ nghe vậy không bằng lòng nên cải liệm (theo lời người chán đích-tôn của cụ).

34) Bài này còn tại nhà họ Hoàng.

35) Giạp ồ.

36) Phải chăng tác-giả của bài ấy là Ba-giai ?

37) Nguyễn-tri-Phương năm thất-thủ Hà nội lần thứ nhứt (1873), Tây bắt, nhịn ăn mà chết.

Đoàn thọ, tổng thống quân vụ Bắc kỳ bị giặc khách giết năm 1870.

Tài-liệu đề đính-chính

(Tiếp theo trang 7)

(tr. 22) và phường-bản chép là « Khéo vô duyên bấy là mình với ta »

— Câu « Sắm sành nếp-ở xa-chân, Vùi nông một nấm mặc dầu cỏ hoa », kinh bản chép là « Vùi hồng một nấm » và chú rằng « Chữ *vùi hồng* có bản chép là *vùi nông* cũng thông ; nhưng câu này có những chữ « ở, chân, hồng » là những văn liệu của làng thơ » : cứ như thế, thì chữ *vùi hồng* hay hơn.

— Các bản đều viết : « Lỗng đầu sẩn môn thương tâm, Tuất nghe Kiều cũ đàm-đầm châu sa ». Chữ « môn » ở câu trên, phường bản chép là « mối », nghe cũng được. Còn chữ « thoát » ở câu dưới, quốc ngữ mới (tr. 23) in là « thoát » thì sai, nhưng dịch chữ tây là « mới » (à peine) thì đúng.

— Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr 14) chép : « Phũ-phàng chi mấy, hóa-công ? Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi-pha). Chữ « mấy » ở đây nghĩa là bao nhiêu ; vì tiếng nôm của ta hay lẫn, nên *Kim Vân Kiều chú* viết là chữ « mới » phường-bản in là chữ « với », quốc-ngữ mới (tr. 24) in là chữ « bấy ». « Mới » và « với » thì sai.

— Câu « Sống làm vợ khắp người ta, Khéo hay thác xuống làm ma không chồng », các bản chú-thích đều chua rằng : « Câu ấy có câu thơ chữ : Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu quỉ, nghĩa là sống làm vợ muôn người, chết làm quỉ không chồng ». Nhưng chữ

ĐẠI NAM DẬT SỰ

35 53

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXIV — Lý - Thái - tông (*bái nối*).

Lý Thái-tông đánh được Chiêm-thành năm 1044, bàn công định thưởng và chọ những người Chiêm-thành đã bắt sống đem về nước ta, được theo hiệu cũ đặt thành từng làng từng ấp mà ở. Trong sử chỉ chép như thế, không thấy nói những dân ấy về sau ra sao; nhưng xem như tục hiện nay, thì dân bà nước ta không chịu lấy người nước kém: Cứ như vậy, có lẽ những dân ấy không đồng-hóa với dân ta, cho nên đến đời Lý Thánh - tông lại có việc đi đánh Chiêm-thành năm 1069.

Xem trận đánh lần trước về năm 1044, thì biết nước ta hồi ấy không có tham vọng gì đến đất đai của các nước xung quanh, chỉ khi nào các nước ấy không chịu thần-phục, mới phải ra quân. *Khâm-định Việt-sử* (q. 3, tờ 19 a-b và 11 a-b) chép tháng chín năm (1044), Lý thái - tông đi đánh Chiêm về, báo tin thắng trận ở nhà Thái miếu... Đến tháng mười một, bề - tôi dâng tôn - hiệu là « Thánh-đức thiên-cảm tuyên-hóa thánh-vũ » (bộ *Đại-Việt sử-ký toàn - thư*, q 2 tờ 36 a, chép là tuyên-uy), nhân xin đổi niên-hiệu là « Thiên-cảm thánh-vũ »: vua Lý Thái-tông nghe theo ». Thế là từ tháng mười năm giáp-thân (1044) trở lên là năm thứ ba hiệu Minh-đạo, từ tháng mười một trở đi là năm thứ nhất hiệu Thiên - cảm thánh-vũ.

Cách bốn năm, đến việc đánh Lào. Sử chép « Năm mậu-tý (1048), mùa thu tháng chín, Lý Thái tông sai tướng quân là Phùng-trí Năng đi đánh Ai-lao, bắt được người và súc vật rất nhiều đem về » (*Đại-Việt sử-ký, toàn thư*, q. 2, tờ 36 b).

Những việc đánh nước ngoài như thế, còn những việc ở trong nước thì có việc « bình Nùng » là to nhất, nay chép như sau này:

« Năm thứ năm hiệu Thông-thụy (1038) tháng mười hai, thủ lĩnh châu Đảng-do là Nùng tôn - Phúc làm phản » (*Khâm định Việt-sử*, q. 2 tờ 42 b).

« Nguyên Nùng tôn-Phúc người đất Tượng - can, thuộc động hoặc châu Thạnh-an, làm thủ-lĩnh châu Đảng-do (thuộc địa-hạt Cao-bằng và Lạng-sơn) cùng em là Nùng-tôn-Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn - nhai (nay là châu Vũ nhai, thuộc tỉnh Thái-nguyên). Vợ Tôn Phúc là A-Nùng. Em A-Nùng là Đương-Đạo làm thủ-lĩnh châu Vũ lặc (thuộc địa hạt Cao - bằng và Lạng - sơn) đều thuộc vào châu Quảng-nguyên (về đời Lý thì Đảng-do Vạn-nhai, Vũ lặc đều thuộc Quảng - nguyên, Nay là châu Quảng - uyên thuộc tỉnh Cao bằng). Hằng năm nộp đồ thổ-sản theo lệ cống. Về sau tức là trước năm (1038) Nùng-tôn-Phúc giết Tôn-Lộc (em ruột) và Đương-Đạo (em vợ), lấy cả đất hai châu ấy, tiếm xưng Chiêu-thánh hoàng-đế, lập A-Nùng làm Minh - đức hoàng-hậu phong con là Nùng Trí Thông làm Nam-nha - vương, đổi châu Quảng - nguyên làm nước Tràng - sinh, sửa sang áo giáp và binh lính đóng chặt thành giữ cõi đất, không đem cống thổ-sản và xưng thần nữa » (*Đại Việt sử-ký toàn thư*, q. 2, tờ 26 a-b).

Đến « tháng giêng năm Kỷ-mão » (1039) thủ-lĩnh ở Tây nông (nay là huyện Tư-nông, thuộc tỉnh Thái-nguyên) là Hà-văn-Trinh đem việc Nùng-tôn-Phúc làm phản, tâu vua Lý Thái-Tông nghe Tháng hai năm ấy, vua Lý Thái-tông tự làm tướng đi đánh Nùng tôn-Phúc, cho Khai-hoàng-vương là Nhật-tôn coi việc nước, ra quân từ kinh-thành Thăng-long qua bến Đò Lãnh-kênh, có cá trắng nhảy vào thuyền (!), đi đến châu Quảng-nguyên, đóng thuyền hạ trại. Tôn - Phúc nghe tiếng đem bộ lạc và vợ con vào trốn ở trong rừng núi: Vua cho quân đuổi theo, bắt sống được Tôn-

(Xem tiếp trang 29)

« khắp » ở câu trên, kinh-bản in là chữ « xắp » cũng có nghĩa, bởi vì « vợ xắp » tức là vợ tạm. Còn hai chữ « khéo hay », ở câu dưới, quốc-ngữ viết là « hại thay » là nhầm ở chữ nôm chữ « hại » và chữ « khéo » hơi giống nhau; chữ « thay » và chữ « thay » chỉ viết có chữ « thai », rồi người đọc đoán lấy.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lống An-Tư công-chúa
của Thoát-Hoan, đạc thư quốc nhân đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 27

Trong khi ấy thì các tráng sĩ Đại việt tấp nập sửa soạn. Chưa biết ai được đi, nhưng ai cũng tưởng như sắp được nhẹ gánh quân ân, và sắp được dịp trổ tài cùng quân giặc.

Nhất là quân bản bộ của Chiêu văn vương, quân Tinh-cương và sáu trăm trại của Hoài văn hầu thì lại càng sôi nổi.

Chiêu thành vương đã mấy lần muốn vào yết kiến Hưng-Đạo-Vương để xin đi đánh mà không được vào. Bấy giờ chánh tướng đã chọn rồi, nhưng Quốc công chưa cử ai đi giúp Chiêu văn vương. Người ta xì xào nói đến Chiêu thành vương, đến Hoài văn hầu, đến tướng quân Nguyễn Khoái. Chiêu thành vương thì hồi-hộp nhất. Thủ đoạn lẫy lừng của Phạm Ngũ Lão làm cho Vương ghen tức bao nhiêu, thì cái ý ra Bắc để cứu người yêu lại làm cho Vương hi vọng bấy nhiêu. An Tư đi, đã hơn một tháng trời; tin tức về nàng không có mấy, chàng vẫn hằng ngày nóng ruột, không biết nàng ra sao. Ở giữa hang hùm, đã dành là tiết trinh của nàng chẳng vẹn, nhưng liệu nàng có toàn tính mệnh để đợi chàng không? Đêm đêm chàng thường giật mình lo cho số phận người yêu, nhất là mấy bữa rồi đây, nghe tin bệnh dịch tả đã bắt đầu phát ở kinh thành, chàng ngồi đứng không yên: chiếc thân đào tơ liễu yếu, mà bao nhiêu nguy hiểm quanh mình! Chàng chỉ mong chóng chóng được kéo quân ra Bắc, dấn mình trong rừng gươm giáo, tiến vào chỗ nàng bị giam cầm. Miễn là cứu được nàng, ra khỏi trùng vi, thì muôn trùng ngăn cản, muôn bầy hiểm nghèo chàng cũng vượt hết.

Các tráng sĩ mong mỏi ngày xuất trận mỗi thì chàng mong mỗi mười. Nhiều đêm, những người thân tín thường bắt gặp chàng nói trong mê:

— An Tư công chúa! Chị đây ư? Đợi tôi ra đánh tháo cho công chúa!

Chờ đợi bao lâu, nay đã đến ngày, chàng lại thêm cái lo không biết Quốc công có cử mình đi không? Chàng tự nhủ: « Có lẽ nào, ta lại không được đi? Quốc công đã biết cảnh ngộ ta, Quốc công chắc cho ta theo Chiêu văn vương, không khi nào Quốc công lại nỡ giữ ta. Không khi nào cả ».

Cho nên chàng sắn sóng nhất.

Chàng cứ đưa thoi từ trại mình đến dinh Quốc công. Nhưng chỉ thấy cửa dinh đóng im lìm. Quốc công vẫn còn hội đàm với Chiêu Văn Vương, Chắc hai vương đang cắt cử những tướng sĩ.

Đương lúc nghe ngóng, chợt thấy Trần Quốc Toản, nhanh như cái cắt, tươi như bông hoa, chạy lại, hỏi:

— Chú đã biết tin tức gì chưa?

Vương nắm đốc kiếm, hồi hộp:

— Chưa? Việc gì? Tôi có được...

— Cháu được đi rồi.

— Thế à? Sao biết? Còn tôi?

— Hình như có.

Vương nhảy lên:

— Sướng quá: Thực không? Tôi chỉ sợ không được đi.

— Cháu cũng thế. Nhưng mới nghe thấy đồn thế thôi. Chú đừng nói ra, việc quân nhỡ ra Quốc công...

— Tôi biết rồi. Phải.

Tuy vậy, Vương không giấu nổi cảm động. Vương hấp tấp chạy về trại bảo quân sĩ sửa soạn. Mừng quá, Vương không nói nên nhời. Chợt có tướng lệnh của Quốc công vời Vương lên. Đang dặn dò mọi người, Vương bỏ đấy, theo sứ đi ngay. Tới nơi, đã thấy đông đủ các tướng tá trước sân dinh. Tiết-chế Vương đứng nép bên Hoài Văn hầu khi ấy đang mải nhìn lên thềm. Bốn bề im lặng. Quốc công bỗng truyền ra

— Triều đình đã cử Chiêu Văn Vương làm chánh tướng ra Bắc. Ta lại nhờ được Triệu tướng quân giúp sức đánh Toả Đô.

Trong bàn tướng tá, ta đã tin cử tướng quân Nguyễn Khoái, Hoài Văn Lâu và Chiêu Thành vương làm tiền bộ tiên phong. Cơ khôi phục non sông đã tới. Các ngươi là những người tâm huyết, ngày đêm nằm gai nếm mật, đây là lúc nỗ lực hi sinh cho quốc gia. Dưới được giặc hay không, ta trông vậy vào trận này. Các ngươi đừng nên phụ lòng ta tin cẩn.

Các tướng còn đang nhìn nhau, Chiêu Thành vương đã nhanh nhẩu bước ra thưa :

— Quốc công đã có lòng tin cho chúng tôi đi trước anh em, thực là vinh hạnh cho chúng tôi. Trước mặt Quốc công chúng tôi xin thề tử chiến : nếu không thắng được trận này, chúng tôi xin gửi đầu về tạ tội về Quốc công.

Ngay hôm đó Chiêu-văn vương khởi hành, kéo binh thuyền ra Bắc. Vương dụ tướng sĩ :

— Ta trông Quan - gia, Quốc-công và mọi người, nét mặt ai nấy đều bớn hở. Ta đoán là có tin mừng. Từ ngày thua ở Khả-Lí Lộc-Châu, chúng ta nằm gai nếm mật, bây giờ ta mới lại được cùng chúng giao chiến. Quân giặc đã đến buổi vận cùng. Các ngươi mong tuyết hận, đây đã đến ngày tuyết hận. Các ngươi nên cố một phen, để cái tiếng của đoàn quân ta vang lừng trong trận này. Ta có đoàn ca nữ, chúng theo ta vào đây, nay cũng tình nguyện theo ta ra Bắc để hát mừng quan quân ngày thắng trận. Các ngươi đừng để bọn chúng cười.

Mọi người đều nói :

— Khăn yếm còn bất nghĩ thế, huống chi bọn râu mày chúng tôi.

— Chúng tôi được theo vương, như đã cầm sẵn chiến thắng trong tay. Đại vương không phí một tên quân, bình định được loạn Tịnh gốc - Mật thì Đại vương cũng chắc thắng được Toa-Đô. Chúng tôi quyết không phụ lòng chị em.

Sau Quốc công Hưng - Đạo, vương là người được quốc-dân trọng nhất : có cái đảm lược ôn hòa, vương đã được vi dũng như Quản Vũ và Lạn tương Như. Vương tinh thông thao lược đã từng để tựa như cuốn *Binh thư* của Hưng Đạo Vương. Nhưng vương không ưa chiến tranh, chỉ thích học các tiếng nước ngoài. Vương muốn làm nhà bác ngữ hơn làm tướng võ ướng. Vậy mà khi cầm quân thì không ai mau lẹ, táo bạo như vương. Trước khi ra Bắc, Vương gọi vợ con bảo ghi ngày vương ra đi làm ngày cúng giỗ để tỏ cho mọi người cái ý quyết hệ với quân thù.

Dưới quyền chỉ huy của một đại tướng đã có một huân công kỳ lạ và có những đức tính làm mê lòng người như thế, các tướng sĩ kéo binh thuyền ra Bắc mặt anh hùng đăm đăm như khuất phục cả những cồn sóng bạc đầu...

Trong khi ấy, ở Thanh hóa người ta sông trong cơn sốt rét đợi chờ. Ngày ngày đã nối nhau qua đi, vô vị và lạnh lùng. Bề ngoài khơi vẫn réo, và cái nóng kinh người đã làm chúa khắp nơi. Hoàng và các cung tần phi chúa, thì đi lễ các đền chùa, cầu nguyện các đấng linh thần ủng hộ đoàn quân của Đức ông Tư Thượng hoàng và vua Thiệu-bảo cũng tỏ ý sốt ruột, ngày nào cũng đều hỏi ý kiến Hưng Đạo Đại vương tâu :

— Xin Thượng hoàng và Quan-gia cứ yên tâm. Lão phu liệu thế giặc, xin cam đoan rằng trận thắng về ta. Chỉ vài hôm nữa có tin mừng.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY TƯỜNG

Muốn khỏi bị ức-hiếp và lợi dụng

Bạn gái ở quê cũng như ở tỉnh cần phải hiểu rõ pháp-luật, không kể đã lập gia-đình hay chưa.

Pháp - luật về phụ nữ có những mục này : Lễước-hôn và lễ kết hôn. Sự ly thả sự ly dị. Thủ-tục sự ly dị hiệu-lực của sự ly-dị, khi ra ở riêng. Tình - cảnh người vợ góa - bụa. Tình-cảnh người chưa hoang vì nhẹ tin. Người vợ và quyền thừa-kế.

Sách dầy, ngoài 200 trang, giấy tây, giá 4$ kể cả cước phí. Tác - giả : P an-v-Tiết, luật-khoa cử nhân, mua sách xin gởi thư và mandat cho An - Ngọc - Phụng Kiosque Thanh-Tao (Vinh).

ĐÓN COI : SẼ RA ĐẶC SẢN TRI TÂN VỀ

Việt-nam giải phóng

Hội-họa Việt-nam...

(Tiếp theo trang 5)

một thuyết về y-học hay triết-học vậy. Họ đi tìm chỗ trú chân ở tận đâu đâu mà chính đất mình vẫn còn bỏ hoang dại. Mình còn nhiều ruộng đầm mầu tươi, mầm tốt, đầy ứ một chất nhựa sống chỉ chờ cơ hội của những lưỡng cầy sâu để nở nang của gặt mới. Sao ta không hy-vọng tìm ở chính ta, hơn người bằng chính cái cá-tính của ta có hơn không? Anh có thể tin được không lúc người ta tin tưởng sự thành công khi đã tìm được cái nghệ-thuật một cái dịch tuyệt đối.

Chắc anh cũng như tôi đều mong rằng hội-họa không dùng để làm bài học triết-lý cũng như sẽ thành vô-ích khi đem vào một công việc trực tiếp với xã hội. Một bức tranh tả những cảnh anh dũng, hùng-hồn, những việc tốt tắt của nhân-loại mà không đạt được cái « đẹp hội-họa » có phải là một bức tranh « được » đâu. Cái đẹp nó rung động ở đường nét, ở bình thể, màu sắc một vật; cái cao siêu, anh dũng cũng ở đấy mà ra, chứ đâu phải ở những cảnh to lớn bày ra trước mắt.

Sau, nếu có thì giờ, tôi sẽ nói truyện với anh nhiều, nhất là về khoa hội-họa với tinh-cách trang hoàng ở nó và trước khi tạm nghỉ bút, tôi mạn phép hỏi anh rằng hội-họa có phải để trang-hoàng hay không?

Trại Rơi, một mùa đông

NGUYỄN VĂN TỴ

Những việc lịch-sử

— Hủy bỏ hiệp ước Patenôtre. — Mồng 6 tháng sáu 1884, Pháp Nam ký một bản hiệp ước gọi là « hiệp ước Patenôtre ». Do hiệp-ước ấy người Pháp đặt cuộc bảo hộ ở đây.

Ngày 11 tháng ba 1945 vua Bảo Đại tuyên-bố hủy-bỏ bản hiệp-ước ấy, nước Việt-nam hoàn toàn độc lập.

Thế là bản hiệp ước [illegible] Nam [illegible] tháng sáu 1884, từ nay thủ tiêu, không còn hiệu lực gì trước luật quốc-tế nữa.

— Hòa-bình, — Ngày [illegible] anh Lê Của [illegible] Nhật đến [illegible] Hòa-bình anh lấy [illegible] dạ, các binh lính [illegible] đều hàng phục [illegible] trói viên giám binh. Không phí một viên đạn, hạ được Hòa-bình.

T. T.

ĐÍNH CHÍNH

T. T. s. 131, trang 17, cột 3, chỗ chua chữ [illegible] là : « Đáng phải đọc là thật mới đúng ».

ĐẠI NAM DẬT SỬ

(Tiếp theo trang 17)

Phúc và bọn Trí thông năm người (duy vợ Tôn-Phúc là A-Nùng và con là Trí-Cao chạy thoát), đồng cùi bọn Tôn-Phúc đưa về kinh-sư. Sai quân sĩ san phẳng thành-trì, chiêu dụ nhân-dân, rồi thu quân về. Đến tháng ba, từ Quảng-nguyên về đến kinh-đô, sai đem chém bọn Tôn-Phúc ở đô-thị, tức kẻ chợ kinh-đô » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2 tờ 26 b).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Giới thiệu

Chúng tôi được tin bạn đồng-nghiệp Thông Tin đã tái bản vào ngày 1er 4 1945 do ông Hoàng Gia chủ nhiệm và các ông Trịnh như Luân, Nguyễn văn An ở tự trị sự.

Toà báo ở 274 phố Huế Hanoi.

Xin có lời mừng bạn đồng-nghiệp được hoàn nghênh và giới thiệu cùng các bạn.

Bá cáo

Kể từ 1er tháng 3 1945 ông Trịnh-như-Luân thôi không làm giám đốc nhà in Tri Tân nữa. Xin các bạn đăng tin nhà xuất bản Trịnh như Luân với tự xuất bản của bản chí.

Ai có việc gì muốn hỏi ông Luân xin lại nhà riêng ông ở 121 Chancelme Hanoi.

T. T.

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : [illegible] chỉ định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường [illegible] Nhà in Tri-Tân số 80—87 Chancelme, Hanoi